BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

HƯỚNG TỚI KIỂM ĐỊNH VÙNG CẢN 1760 - 1770 ĐIỂM, KHỐI NGOẠI TRỞ LẠI MUA RÒNG

21/10/2026

VN-Index	**1738.67 (2.76%)**
1021 Tr. cổ phiếu	20390.5 Tỷ VND (52.71%)
HNX-Index	**261.67 (1.44%)**
80 Tr. cổ phiếu	1114.5 Tỷ VND (92.52%)
UPCOM-Index	**126.24 (0.81%)**
38 Tr. cổ phiếu	592.4 Tỷ VND (36.65%)
VN30F1M	**1892.00 (2.27%)**
237,710 HD	OI: 33,067 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1738.7, tăng 46.7 điểm (+2.76%). Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, tăng 35.1 điểm (+1.90%); HNXIndex tăng 3.7 điểm (+1.44%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số hồi phục mạnh nhờ động lực từ nhóm Vin. Dòng tiền tập trung vào nhóm vốn hóa lớn, trong khi nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ chững lại, cho thấy sự phân hóa.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+6.9%), DXS (+6.9%), VIC (+7.0%) I Ngân hàng: MSB (+3.7%), LPB (+4.9%), TPB (+5.4%) I Dịch vụ tài chính: VDS (+4.5%), EVF (+5.7%), ORS (+6.9%) I Du lịch và Giải trí: HVN (+1.7%), SCS (+3.2%), VPL (+3.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Dầu khí: BSR (-2.1%) I Bảo hiểm: BVH (-1.9%), MIG (-1.3%) I Y tế: DCL (-3.1%), DBD (-0.8%)
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, LPB, VPL, VCB - Chiều giảm | BSR, BVH, PVT, PNJ, STG
- Khối ngoại: Mua ròng hơn 150 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, MSN, VIC, trong khi bán ròng: FPT, VCB, ACB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến tăng marubozu và đóng cửa trên ngưỡng 1730 điểm, củng cố cho nhịp phục hồi kỹ thuật. Dù vậy, vận động có thể chậm lại và rung lắc khi tiếp cận MA20 ngày, quanh khu vực 1740 điểm. Tuy nhiên, mục tiêu cao hơn của nhịp hồi là hướng tới kháng cự 1760 - 1770 điểm. Ở chiều ngược lại, mốc 1700 trở lại vai trò là vùng hỗ trợ gần để duy trì cấu trúc đi lên hiện tại. Biến động ở nhóm vốn hóa lớn khả năng tiếp tục ảnh hưởng lên trạng thái chỉ số.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số cho thấy phản ứng kiểm định tốt khu vực 260 điểm. Mục tiêu nhịp hồi có thể hướng tới kiểm định lại khu vực 270 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần hiện quanh khu vực 255 điểm.
- **Chiến lược:** Ưu tiên nắm giữ, tỷ trọng duy trì quanh mức trung bình. Chiều mua mới phù hợp với vị thế lướt sóng ngắn hạn theo dòng tiền. Nhà đầu tư nên tập trung vào các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật cải thiện rõ ràng, tận dụng điểm mua khi giá điều chỉnh thay vì mua đuổi theo nhịp hồi phục của chỉ số. Vùng 1760 - 1770 điểm là khu vực cân nhắc chốt lời ngắn hạn nếu xuất hiện tín hiệu suy yếu. Các nhóm ngành đang có dòng tiền cải thiện đáng chú ý như Ngân hàng, Đầu tư công, Xuất khẩu (dệt may, thủy sản…).

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua CSV, TCB (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 10)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,738.7	2.8%	2.0%	-3.4%	20,390.5	52.7%	47.5%	17.2%	1,020.9	57.1%	73.0%	55.0%
HNX-Index	261.7	1.4%	-1.3%	-4.6%	1,114.5	92.5%	68.4%	46.6%	80.0	101.8%	76.5%	85.3%
UPCOM-Index	126.2	0.8%	1.9%	-0.1%	592.4	36.6%	-38.5%	12.4%	37.9	44.1%	15.2%	18.8%
VN30	1,880.6	1.9%	1.5%	-3.7%	10,350.9	42.6%	27.2%	-11.7%	333.3	40.5%	33.2%	-5.7%
VNMID	1,872.6	2.4%	4.7%	0.1%	8,438.6	64.6%	74.4%	83.3%	494.9	81.8%	80.5%	109.8%
VNSML	1,248.6	1.3%	2.4%	1.6%	1,309.7	77.7%	104.3%	84.5%	107.5	90.8%	104.4%	113.3%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	618.0	1.4%	1.59%	-2.5%	6,049.7	43.8%	25.2%	22.6%	325.0	67.7%	35.6%	38.5%
Bất động sản	946.3	6.4%	2.8%	-4.9%	3,732.4	90.2%	48.5%	49.5%	179.9	139.2%	62.5%	69.9%
Dịch vụ tài chính	259.0	2.8%	5.8%	-3.6%	2,545.3	111.4%	45.6%	58.0%	151.3	108.1%	42.0%	58.6%
Công nghiệp	238.7	2.1%	4.5%	6.5%	1,706.7	133.1%	87.8%	68.4%	73.5	166.0%	94.1%	90.7%
Tài nguyên cơ bản	470.9	0.4%	2.0%	1.2%	852.1	10.8%	40.6%	45.8%	51.2	12.1%	41.9%	53.7%
Xây dựng - Vật Liệu	157.0	1.3%	4.3%	3.5%	672.2	21.3%	35.2%	66.2%	43.3	31.3%	29.3%	69.1%
Thực phẩm	493.9	0.7%	0.9%	0.6%	1,198.2	-21.7%	23.9%	-20.0%	29.5	-44.4%	7.6%	-6.0%
Bán Lẻ	1,449.6	0.8%	2.0%	4.9%	588.5	37.1%	27.0%	-9.3%	7.2	30.9%	21.4%	-17.9%
Công nghệ	341.9	0.1%	0.7%	-12.8%	611.8	189.6%	88.8%	57.3%	11.8	167.4%	83.3%	48.8%
Hóa chất	168.3	0.3%	1.5%	0.0%	291.7	7.0%	23.9%	-12.9%	12.7	24.0%	31.8%	-2.4%
Tiện ích	736.2	0.9%	-0.1%	-5.1%	215.8	-13.3%	-4.9%	-17.1%	10.8	-25.3%	-6.9%	-11.8%
Dầu khí	110.3	-1.4%	-5.3%	-9.1%	537.8	98.0%	16.51%	-21.3%	19.3	94.5%	18.5%	-24.7%
Dược phẩm	389.3	-0.7%	1.1%	0.9%	38.1	-59.2%	-41.8%	-37.3%	1.4	-65.5%	-41.0%	-36.6%
Bảo hiểm	106.1	-1.7%	-8.4%	-2.8%	102.3	133.8%	19.2%	21.2%	1.7	111.4%	24.2%	26.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,738.7	2.76%	-2.6%	12.9x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,556	0.07%	23.5%	14.7x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,328	0.94%	-38.4%	11.7x	1.4x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,956	0.41%	-2.8%	14.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,822	0.26%	-3.8%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,713	-0.60%	-6.4%	16.3x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	23,652	-0.90%	-7.7%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,621	0.85%	28.4%	20.4x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,713	0.28%	12.7%	26.4x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	52,496	1.02%	9.2%	23.0x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,740	0.07%	8.1%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,163	0.68%	6.4%	16.6x	2.4x
DXY		101.7	-0.25%	3.5%		
USDVND		25,865	-0.043%	-1.6%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	1.68%	10.2%	81.8%	80.4%
Dầu WTI	-1.99%	4.2%	73.7%	72.5%
Khí gas	-3.2%	1.1%	-22.2%	-17.4%
Than cốc (*)	0.0%	-9.3%	34.7%	34.7%
Thép HRC (*)	0.0%	-1.7%	-0.4%	-1.2%
PVC (*)	-0.7%	4.4%	7.8%	5.4%
Phân Urea	0.0%	-6.0%	19.4%	16.2%
Cao su thiên nhiên	-0.8%	7.6%	42.3%	48.6%
Bông Cotton	0.3%	1.6%	26.2%	25.9%
Đường	0.7%	18.2%	37.7%	35.6%
World Container Index	0.0%	-0.3%	102.7%	165.8%
Baltic Dirty tanker Index	-1.6%	42.8%	451.3%	488.3%
Vàng	0.03%	-5.0%	-4.5%	0.0%
Bạc	-0.67%	-12.9%	-19.7%	18.1%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

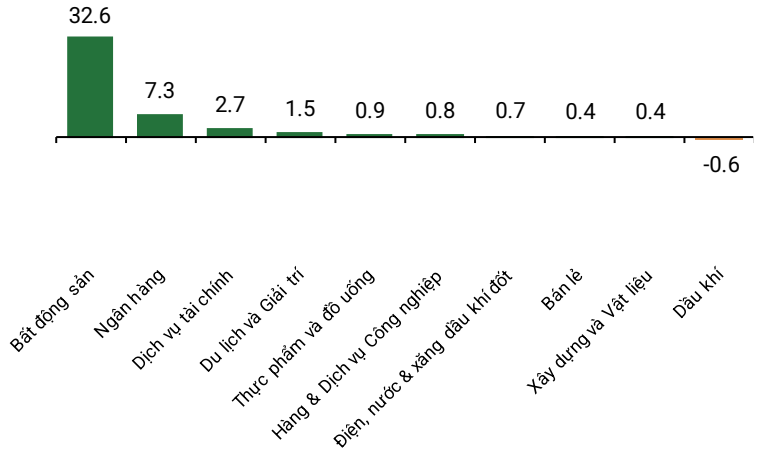

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

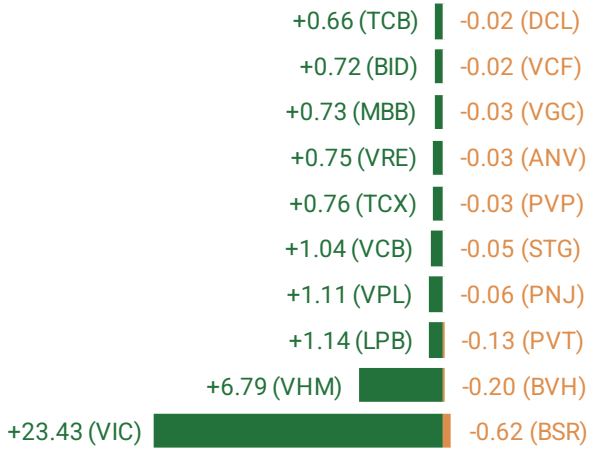

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

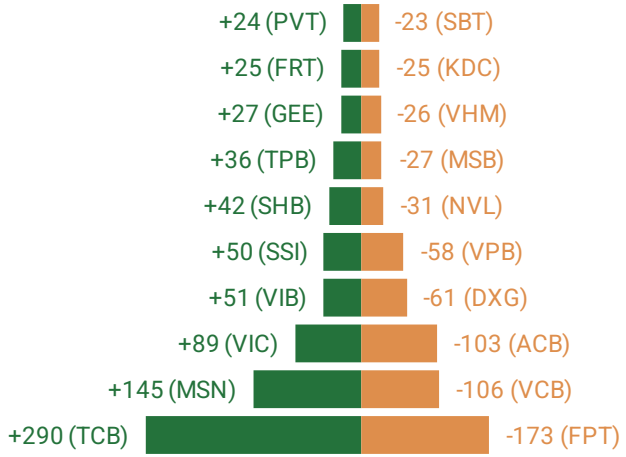

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

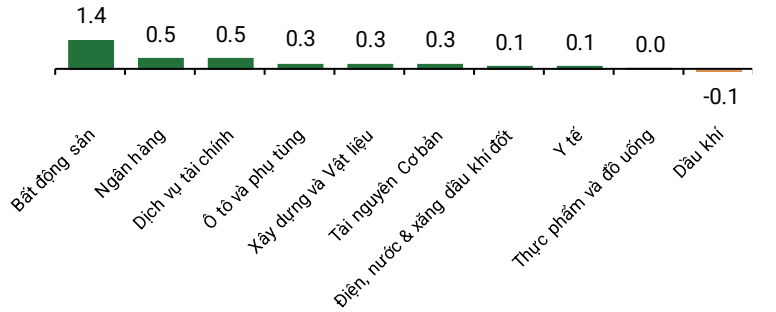

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

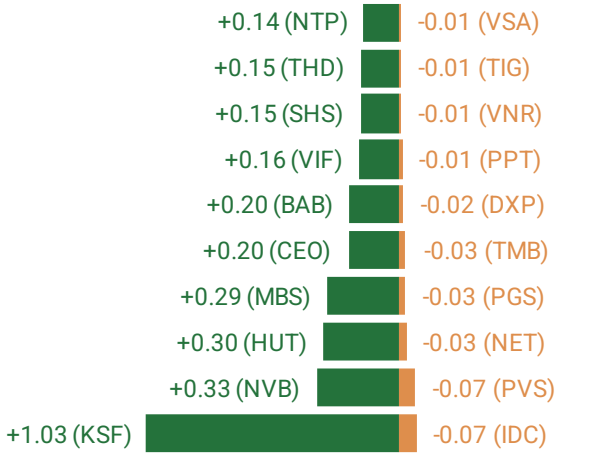

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

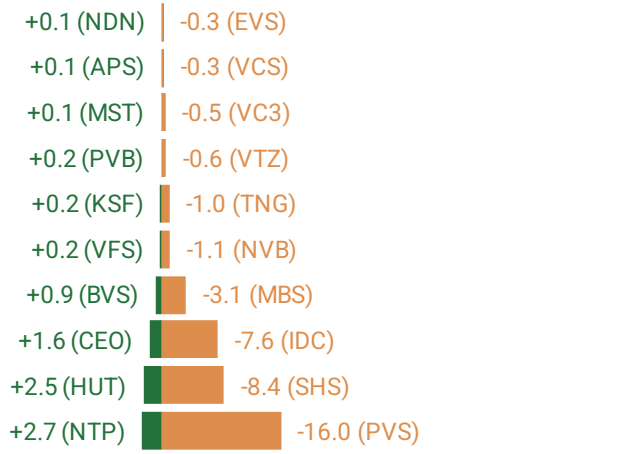

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

	VHM	TCB	VIX	SSI	HPG
%DoD	6.9%	1.3%	4.1%	2.3%	0.2%
Giá trị	840	697	654	645	556

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

	MSB	VJC	HDB	KBC	VHM
%DoD	3.7%	0.5%	0.0%	0.9%	6.9%
Giá trị	789	539	324	321	189

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

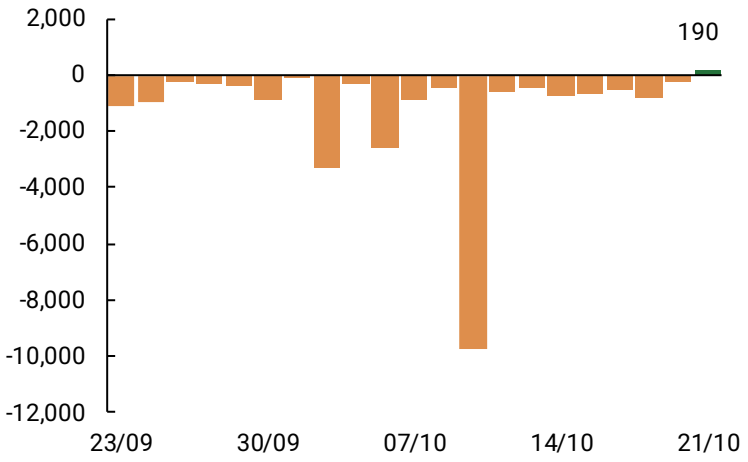

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

	SHS	CEO	PVS	MBS	HUT
%DoD	2.4%	5.5%	-0.6%	3.3%	4.0%
Giá trị	285	148	122	83	63

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

	NTP	DTD	HUT	TIG	KDM
%DoD	2.3%	3.8%	4.0%	-1.9%	-8.1%
Giá trị	19	10	6	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

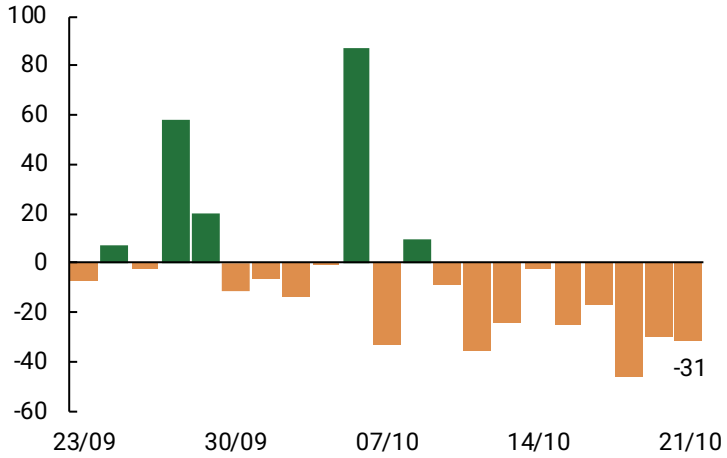

Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến tăng Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 l 1700.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong kênh điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index vượt ngưỡng 1730 củng cố khả năng phục hồi kỹ thuật, mục tiêu hướng tới vùng kháng cự 1760 - 1770. Dù vậy, trong ngắn hạn, vận động có thể chậm lại và rung lắc khi tiếp cận MA20 ngày, quanh khu vực 1740 điểm. Lưu ý biến động ở nhóm vốn hóa lớn có thể tiếp tục ảnh hưởng lên trạng thái chỉ số. Mốc 1700 điểm hiện trở thành vùng hỗ trợ gần.

Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến tăng Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 l 1840
- ✓ Kháng cự: 1900 l 1950.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: : Phục hồi kỹ thuật trong kênh điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** VN30 đóng cửa trên ngưỡng 1880 điểm củng cố nhip phục hồi kỹ thuật, mục tiêu hướng tới kiểm định kháng cự 1920 điểm. Dù vậy, biến động ở nhóm vốn hóa lớn có thể tiếp tục gia tăng rung lắc. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1840 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	**CSV**	**BUY**	**Current price**		**23.45**		**P/E (x)**	13.0
			Action price	21/10	**23.7 - 23.9**		P/B (x)	1.6
Exchange	HOSE						EPS	1804.9
			Target price		**26**	**9.2%**	ROE	12.8%
Sector	Specialty Chemicals		Cut loss		**22**	**-7.6%**	Stock Rating	A
							Scale Market Cap	Medium

TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA10 ngày, mang tính thiết lập nền giá mới.
- Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- Chỉ báo MACD cắt lên đường signal cùng RSI dao động ổn định trên vùng cao, hàm ý động tăng phục hồi.
- MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.

➔ Xu hướng tạo đáy ngắn hạn và có thể tiếp tục nhịp hồi phục.

➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	**TCB**	**BUY**	**Current price**		**34.40**		**P/E (x)**	9.4
			Action price	21/10	**34.1 - 34.4**		P/B (x)	1.4
Exchange	HOSE						EPS	3676.5
			Target price		**38**	**10.9%**	ROE	15.6%
Sector	Banks		Cut loss		**32**	**-6.6%**	Stock Rating	BBB
							Scale Market Cap	Large

TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt cản 34 và giữ vận động tốt.
- Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
- Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal cùng RSI vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
- Cấu trúc tăng trung hạn vẫn được giữ với MA20 trên MA50.

➔ Xu hướng đi lên được củng cố.

➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CSV	Mua	21/10/2026	23.45	23.7 - 23.9	-	26	9.2%	22	-7.6%	Cập nhật trên Elite Picks
2	TCB	Mua	21/10/2026	34.4	34.1 - 34.4	-	38	10.9%	32	-6.6%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1892.0, tăng 42.0 điểm (+2.3%). Giá mở cửa cao hơn tham chiếu và đà đi lên chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và mở rộng, củng cố động lượng phục hồi. Dù vậy, RSI đã tiếp cận mức quá mua, cùng đà đi lên dốc, cho thấy giá có khả năng hạ nhiệt để tái tạo lại đà. Vị thế Long có thể chờ nhịp điều chỉnh và kiểm định tốt hỗ trợ 1885, hoặc trường hợp giá không hạ nhiệt mà cân bằng tốt, có thể tham gia khi vận động bứt phá ngưỡng 1895. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1877.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1792, tăng 52.0 điểm (+3.0%). Độ lệch basis 8.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 20 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1785 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1800 điểm.

Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1885	1900	1878	15 : 7
Long	> 1895	1910	1887	15 : 8
Short	< 1877	1862	1885	15 : 8

Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,870.0	29.1	3	9	1,901.7	-31.7	17/06/2027	239
41I1H3000	1,889.9	47.8	30	355	1,893.7	-3.8	18/03/2027	148
41I1GC000	1,891.0	43.0	332	1,115	1,885.6	5.4	17/12/2026	57
41I1GB000	1,892.0	42.0	237,710	33,067	1,883.1	8.9	19/11/2026	29
41I2GB000	1,792.0	52.0	20	32	1,786.3	5.7	19/11/2026	29

Khối lượng mở (Open interest)

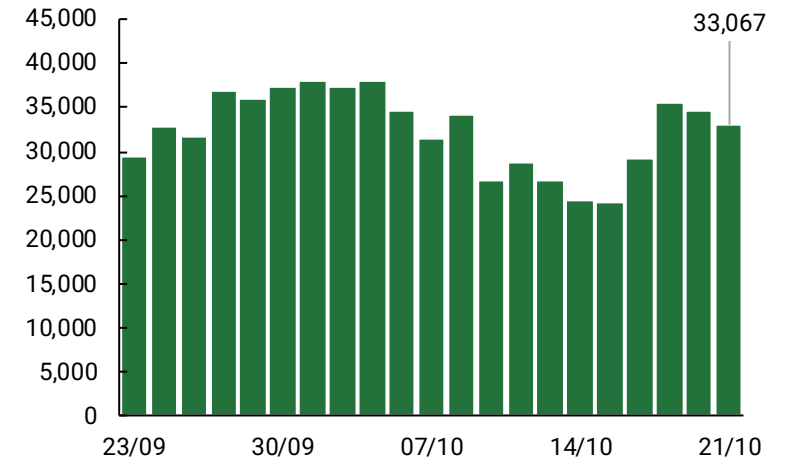

Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

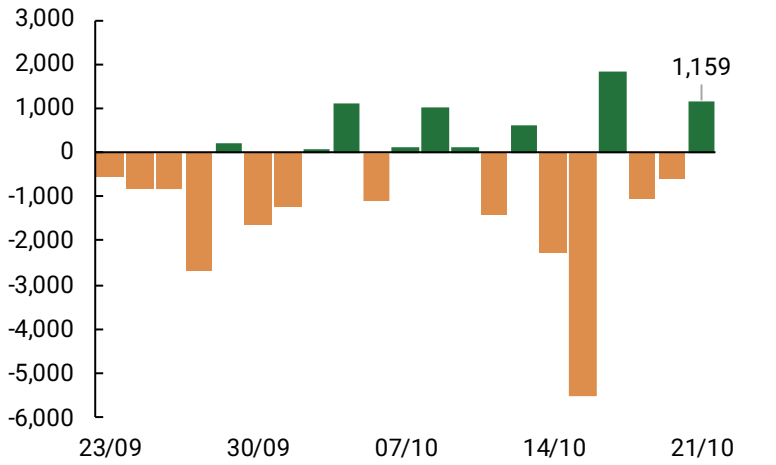

Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

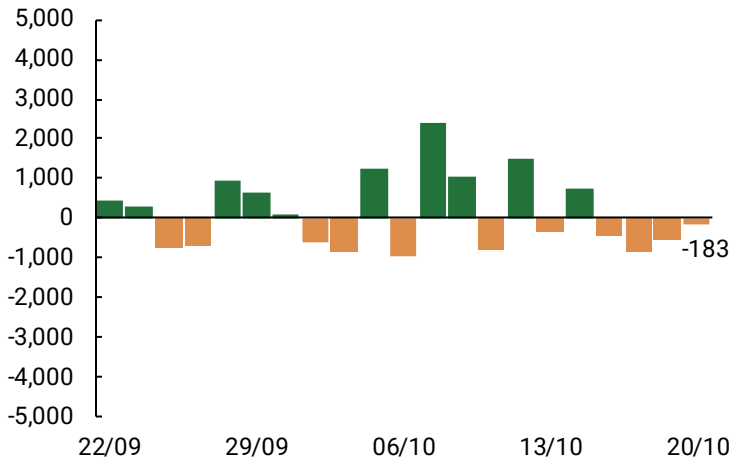

Basis hợp đồng tương lai

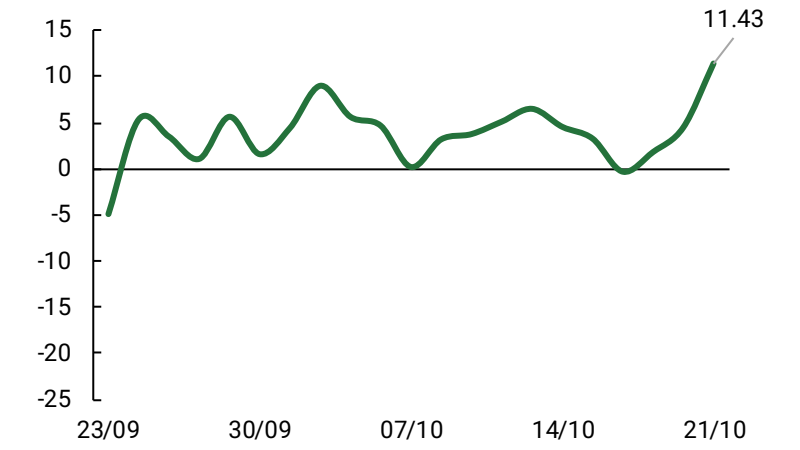

Đường cong hợp đồng tương lai

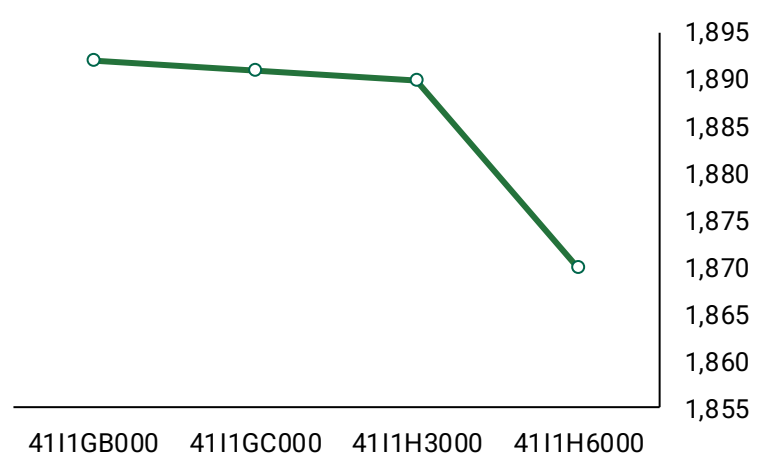

VN30F1M – VN30F2M

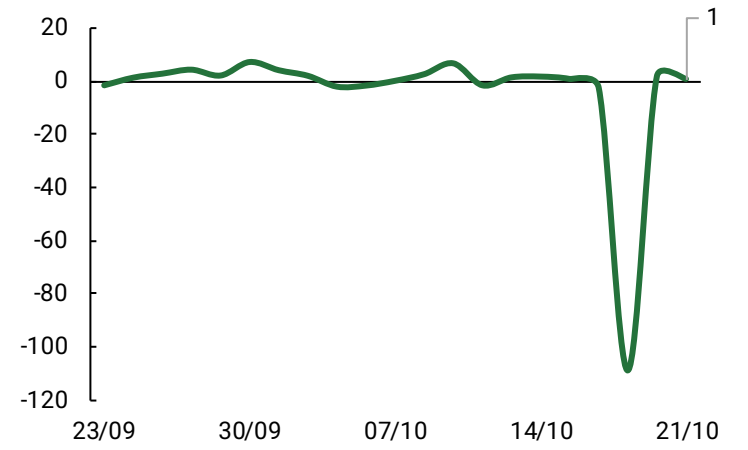

01/10	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI
02/10	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202
07/10	Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường
14/10	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
14 – 15/10	Mỹ – Chỉ số CPI Mỹ – Chỉ số PPI
15/10	Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
19/10	Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/10	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ
29/10	Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE EU – ECB công bố lãi suất
30/10	Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026

THÔNG TIN VĨ MÔ

Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Luật Điện lực sửa đổi, có lộ trình xóa bù chéo giá điện: Chiều 20/10, Bộ trưởng Công Thương Lê Mạnh Hùng trình Quốc hội dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, theo hướng triển khai các cấp độ thị trường điện cạnh tranh và mở rộng đối tượng mua bán điện trực tiếp. Về giá điện, dự thảo đưa ra lộ trình xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, bổ sung lộ trình áp dụng giá bán lẻ điện theo giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường cho khách hàng sinh hoạt.

Dư nợ cho vay của các CTCK lập đỉnh mới 463,000 tỷ đồng cuối quý 3: Theo VietstockFinance, tổng dư nợ cho vay của các CTCK đạt 463,000 tỷ đồng cuối quý 3/2026, tăng 2% QoQ, phần lớn là cho vay ký quỹ. Doanh thu cho vay toàn ngành trong quý đạt 12,900 tỷ đồng, tăng 6% QoQ và 38% YoY. Trong khi đó, giá trị giao dịch bình quân trên HOSE và HNX quý 3 chỉ đạt gần 18,100 tỷ đồng/phiên.

Khảo sát 100 chuyên gia: Fed giữ lãi suất tháng 10, tăng vào tháng 12: Trong khảo sát 100 chuyên gia kinh tế thực hiện ngày 16–20/10, 94 người dự báo Fed giữ lãi suất quỹ liên bang ở mức 3.75–4% tại cuộc họp 27–28/10, nhưng cả 100 người đều cho rằng Fed sẽ tăng lãi suất vào tháng 12. Ở khảo sát tháng trước, chưa tới một nửa số chuyên gia dự báo có đợt tăng lãi suất cuối năm.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TCB - Techcombank đạt LNTT quý 3 là 10,375 tỷ đồng, cao nhất theo quý từ trước đến nay: Theo BCTC quý 3/2026, Techcombank đạt LNTT quý 3 là 10,375 tỷ đồng (+25.8% YoY); lũy kế 9 tháng, tổng thu nhập hoạt động 45,204 tỷ đồng (+17.1%), LNTT 28,915 tỷ đồng (+23.7%). NIM quý 3 tăng lên 3.5% từ 3.4% của quý 2; thu nhập dịch vụ 9 tháng đạt khoảng 11,800 tỷ đồng (+40%), trong đó thu từ LC, tiền mặt và thanh toán tăng 136.6%. ROE đạt 16.3%, ROA 2.5%.

FPT - FPT đạt LNTT 9 tháng 8,770 tỷ đồng, tăng 17% YoY: FPT công bố doanh thu 9 tháng 2026 đạt 40,023 tỷ đồng (+12.4% YoY), LNTT 8,770 tỷ đồng (+17%), LNST thuộc cổ đông công ty mẹ 7,778 tỷ đồng (+13.3%). Khối Công nghệ đóng góp 89% doanh thu với 35,515 tỷ đồng (+14.8%); dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 28,538 tỷ đồng (+11.6%), trong đó thị trường Nhật Bản tăng 17.2%. Doanh thu dịch vụ AI và phân tích dữ liệu tăng 55%.

PNJ - PNJ lỗ sau thuế 258 tỷ đồng trong quý 3, cần huy động khoảng 8,000 tỷ đồng: Tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/10, PNJ cho biết quý 3 đạt doanh thu thuần 6,995 tỷ đồng (-14% YoY), lợi nhuận gộp 609 tỷ đồng (-62%) và lỗ sau thuế 258 tỷ đồng, so với lãi 496 tỷ đồng cùng kỳ. Cuối tháng 9, tiền mặt còn khoảng 770 tỷ đồng, gồm 700 tỷ đồng vay từ Chủ tịch Cao Thị Ngọc Dung. Ban lãnh đạo ước tính cần khoảng 8,000 tỷ đồng, huy động qua phát hành riêng lẻ tối đa 550 triệu cổ phiếu, để xử lý nghĩa vụ thu đổi kim cương.

VND - VNDirect báo LNST quý 3 gần 330 tỷ đồng, giảm 65% YoY: Quý 3/2026, VND đạt doanh thu hoạt động hơn 1,710 tỷ đồng (-23% YoY), trong đó doanh thu môi giới giảm gần 70% còn 114 tỷ đồng, lãi cho vay ký quỹ 375 tỷ đồng; lãi ròng từ tài sản tài chính FVTPL hơn 430 tỷ đồng, giảm gần một nửa. LNST quý 3 gần 330 tỷ đồng (-65%); lũy kế 9 tháng hơn 1,750 tỷ đồng (+5%).

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	28,100	31,150	10.9%	Tăng tỷ trọng
CTG	30,500	40,700	33.4%	Mua
CTD	66,500	82,900	24.7%	Mua
DBD	46,100	66,000	43.2%	Mua
DDV	17,656	35,900	103.3%	Mua
DGW	46,350	46,500	0.3%	Nắm giữ
DPG	30,150	42,300	40.3%	Mua
DPR	38,400	46,500	21.1%	Mua
DRI	15,616	17,200	10.1%	Tăng tỷ trọng
EVF	12,100	14,400	19.0%	Tăng tỷ trọng
FRT	152,000	177,400	16.7%	Tăng tỷ trọng
GMD	55,000	92,400	68.0%	Mua
HAH	50,700	58,300	15.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	15,600	30,900	98.1%	Mua
HHV	9,760	11,700	19.9%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,150	28,700	35.7%	Mua
IMP	35,600	54,400	52.8%	Mua
KDH	14,850	35,300	137.7%	Mua
MCH	140,900	146,500	4.0%	Nắm giữ
MWG	75,800	115,600	52.5%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,000	27,500	37.5%	Mua
NLG	22,850	39,400	72.4%	Mua
NT2	24,350	27,700	13.8%	Tăng tỷ trọng
PHR	32,700	39,500	20.8%	Mua
PVS	31,800	33,250	4.6%	
PVT	23,000	26,000	13.0%	Tăng tỷ trọng
POW	12,650	17,500	38.3%	Mua
SAB	43,300	54,900	26.8%	Mua
SSI	20,400	31,200	52.9%	Mua
TLG	56,100	50,000	-10.9%	Bán
TCB	34,400	41,700	21.2%	Mua
TCM	15,300	35,300	130.7%	Mua
TRC	23,750	22,950	-3.4%	Giảm tỷ trọng
VCB	56,400	79,700	41.3%	Mua
VPB	24,000	28,960	20.7%	Mua
VCG	15,550	23,300	49.8%	Mua
VHC	51,800	58,000	12.0%	Tăng tỷ trọng
VNM	58,300	66,650	14.3%	Tăng tỷ trọng

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801